TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 27

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số 196, chữ số 9 có giá trị là:

A. 900 **B.** 196 **C.** 9 **D.** 90

Câu 2. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức 87 − 21 : 3 là:

A. 22 **B.** 73 **C.** 80 **D.** 76

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 31 × 2 là:

A. 53 **B.** 62 **C.** 52 **D.** 72

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số lớn là 24, số bé là 3. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 27 lần **B.** 9 lần **C.** 21 lần **D.** 8 lần

Câu 5. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/6 **B.** 1/3 **C.** 1/7 **D.** 1/9

Câu 6. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 6 m = ……. dm

A. 6000 **B.** 60 **C.** 6 **D.** 600

Câu 7. *(0,5 điểm)* Trong hình tròn, đoạn thẳng đi qua tâm và nối hai điểm trên đường tròn gọi là:

A. đường kính **B.** trung điểm **C.** tâm **D.** bán kính

Câu 8. *(0,5 điểm)* M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Biết AB = 30 m, độ dài đoạn AM là:

A. 15 m **B.** 60 m **C.** 30 m **D.** 28 m

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 393 + 273 = …….

b) 637 − 379 = …….

c) 148 × 2 = …….

d) 224 : 7 = …….

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 5 × 3 …… 14

b) 1 cm …… 10 mm

c) 3 m 8 cm …… 398 cm

d) 1/5 của 30 …… 1/2 của 14

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/6 của 18 bạn là …… bạn

b) 1/4 của 20 m là …… m

c) 1/5 của 20 quả là …… quả

Câu 12. *(1 điểm)* Tính:

a) 191 g + 147 g = …… g

b) 682 ml − 466 ml = …… ml

c) 222 mm × 2 = …… mm

d) 250 kg : 5 = …… kg

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 7 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 22 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 28 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Lớp 3A có 26 học sinh, mỗi bàn ngồi 4 bạn. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu cái bàn để tất cả học sinh đều có chỗ ngồi?

a) Trả lời: Cần ít nhất …… cái bàn

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 27

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	D	D	B	A	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 393 + 273 = 666

b) 637 − 379 = 258

c) 148 × 2 = 296

d) 224 : 7 = 32

Câu 10.

a) 5 × 3 = 15 nên điền dấu «>»

b) 1 cm = 10 mm nên điền dấu «=»

c) 3 m 8 cm = 308 cm nên điền dấu «<»

d) 1/5 của 30 là 6; 1/2 của 14 là 7 nên điền dấu «<»

Câu 11.

a) 18 : 6 = 3 (bạn)

b) 20 : 4 = 5 (m)

c) 20 : 5 = 4 (quả)

Câu 12.

a) 338 g

b) 216 ml

c) 444 mm

d) 50 kg

Câu 13.

a) 7 × 2 = 14 (cm)

b) 22 : 2 = 11 (dm)

c) 28 : 2 = 14 (mm)

Câu 14.

26 : 4 = 6 (dư 2). Còn 2 bạn chưa có chỗ nên cần thêm 1 bàn: 6 + 1 = 7 (bàn).